

Số: 603/QĐ-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 11 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng**

#### **GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 984/QĐ-SNNPTNT ngày 07/12/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở; các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*de*

**Nơi nhận:** /*de*

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy Sở;
- Giám đốc và các PGD Sở;
- Lưu: VT, Thường trực HĐ ĐĐ-KT Sở.

**GIÁM ĐỐC**



**Dương Văn Tô**

**QUY CHẾ  
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 603 /QĐ-SNNPTNT ngày 06/11/2018  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định thủ tục hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Bao gồm các phòng, ban, cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành, tổ chức và cá nhân người nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành nông nghiệp Quảng Ngãi đều được xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ*).

2. Không xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có đủ điều kiện nhưng không tham gia đăng ký và tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

3. Việc khen thưởng đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị căn cứ vào cả thành tích của cá nhân và thành tích chung của cơ quan, đơn vị do cá nhân đó phụ trách.

4. Chưa xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật; đang bị điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ; *co*

quan, đơn vị có người đứng đầu đang bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; cơ quan, đơn vị có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

5. Đối với mỗi tập thể, cá nhân trong 01 năm chỉ có thể đề nghị:

a) Chủ tịch UBND tỉnh tặng 01 bằng khen về thành tích toàn diện (khen thường xuyên) và không quá 02 bằng khen về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề), trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

b) Giám đốc Sở tặng 01 giấy khen về thành tích toàn diện (khen thường xuyên) và không quá 02 giấy khen về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề), trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

6. Các cơ quan, đơn vị khi xét thi đua, khen thưởng thì tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có hưởng phụ cấp chức vụ) không được quá 50% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng. Cần quan tâm khen thưởng các tập thể và cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Trước khi tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi các cơ quan, đơn vị hoặc liên ngành; các cơ quan, đơn vị hoặc liên ngành phải gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) từ 03 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị hoặc liên ngành thực hiện việc đề nghị khen thưởng theo quy định và chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích thật tiêu biểu xuất sắc.

#### **Điều 5. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua**

1. Nội dung thi đua phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế, tính cấp bách và yêu cầu phát triển của ngành, địa

phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp, đảm bảo tính khoa học và đúng pháp luật. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện.

2. Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và thời gian thi đua, trên cơ sở nhiệm vụ chính trị được giao, từ đó đề ra các nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, cá nhân với cá nhân trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Xây dựng kế hoạch, xác định biện pháp phối hợp giữa các cấp chính quyền với Mặt trận và các tổ chức thành viên, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý nghĩa của phong trào thi đua, vận động đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng phát huy tinh thần trách nhiệm, tự giác tham gia, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh phô trương hình thức. Chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phổ biến những kinh nghiệm hay, cách làm mới trong phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng. Kịp thời tổ chức tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

#### **Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng**

1. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phòng Tổ chức cán bộ Sở là bộ phận Thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở, có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Sở, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở về nội dung và tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trong phạm vi đơn vị mình quản lý; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện, cô vũ, phổ biến, nêu gương, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua; tham gia đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 (được *ch*

*sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13), cụ thể:*

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

1.2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

1.3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

1.4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

1.5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

1.6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” **không quá 15%** tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của các cơ đ

quan, đơn vị trực thuộc Sở. Trường hợp có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và được xét, đề nghị vào năm cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba (liên tục).

Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” *không quá 15%* trong tổng số cá nhân của cơ quan, đơn vị thuộc Sở có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 cá nhân thì được đề nghị tối đa 01 cá nhân, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 cá nhân.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2 (liên tục).

#### **Điều 8. Danh hiệu thi đua đối với tập thể**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, cụ thể:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn khá” trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và tiêu biểu nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, cụ thể:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

2.1. Đối tượng để xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là các phòng chuyên môn nghiệp vụ, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và tương đương.

2.2. Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hàng năm **không quá 30%** trong tổng số tập thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 tập thể thì được đề nghị tối đa 01 tập thể, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013, Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 4 Điều 8 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

### **Chương III**

## **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

### **Điều 9. Giấy khen của Giám đốc Sở**

Giấy khen của Giám đốc Sở để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất và được thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 42 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13), cụ thể như sau:

1. Tặng Giấy khen cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.



2. Tặng Giấy khen cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Tỷ lệ xét tặng Giấy khen của Giám đốc Sở cho tập thể, cá nhân có thành tích trong thi đua thường xuyên hàng năm tối đa **không quá 60%** trong tổng số các tập thể, cá nhân được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến (Tập thể Lao động tiên tiến và cá nhân Lao động tiên tiến).

### **Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Nếu tập thể có tổ chức Đảng, phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”; cụ thể:

a) Tặng Bằng khen cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Tặng Bằng khen cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân lập được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân lập được

thành tích khác được quy định tại khoản 2, 3, 4, 6 và 7 Điều 11 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

4. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân đạt thành tích hàng năm như sau:

a) Đối với tập thể **không quá 25%** trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Đối với cá nhân **không quá 15%** trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Khi tính tỷ lệ % các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này, nếu có số dư lớn hơn 0,5 thì được đề nghị thêm 01 tập thể hoặc 01 cá nhân.

#### **Điều 11. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành phát động hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do cấp trên phát động và đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ trong hình thức thi đua theo đợt, theo chuyên đề và khen đột xuất trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 12. Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn”, Huy hiệu, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Chương IV**

#### **HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Điều 13. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở**



1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng, Giám đốc Sở về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ngãi và do Giám đốc Sở quyết định thành lập. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo Quy chế và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm tham mưu, đề xuất phương pháp giúp Thủ trưởng hoặc người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng theo đúng thẩm quyền và mục đích trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

#### **Điều 14. Hội đồng Sáng kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Hội đồng Sáng kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Giám đốc Sở quyết định thành lập; có nhiệm vụ xét duyệt, công nhận các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (*gọi tắt là sáng kiến*) của các tập thể, cá nhân công tác tại các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạo ra, áp dụng có hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Sáng kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3. Hội đồng Sáng kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo Quy chế được ban hành tại Quyết định số 889/QĐ-SNNPTNT ngày 06/12/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện việc xét, công nhận sáng kiến theo quy định tại Quyết định số 1271/QĐ-HĐSK-SNNPTNT ngày 21/12/2016 của Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Chương V**

## **THẨM QUYỀN XEM XÉT KHEN THƯỞNG VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 15. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở quyết định khen thưởng do Phòng Tổ chức cán bộ Sở (Thường trực Hội đồng) thẩm tra

trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở xét duyệt đề nghị Giám đốc Sở quyết định khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng do Phòng Tổ chức cán bộ Sở (Thường trực Hội đồng) thẩm tra trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở xét duyệt và đề nghị Giám đốc Sở trình cấp trên khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định hiện hành trước khi trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét khen thưởng.

4. Các trường hợp khen thưởng khác do Phòng Tổ chức cán bộ Sở (Thường trực Hội đồng) thẩm tra, xét duyệt đề nghị khen thưởng theo quy định.

#### **Điều 16. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, đề nghị khen thưởng**

1. Giám đốc Sở quyết định tặng giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”;

2. Giám đốc Sở đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng bằng khen; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đối tượng thuộc quyền quản lý.

3. Giám đốc Sở đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng thưởng Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen cho tập thể, cá nhân và Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” cho các cá nhân có công lao đóng góp đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam.

4. Giám đốc Sở đề nghị UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

#### **Điều 17. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng**

Mỗi hình thức khen thưởng có quy định tiêu chuẩn khác nhau, do vậy mỗi hồ sơ đề nghị khen thưởng phải bám sát tiêu chuẩn đó. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

1. Các thành phần của thủ tục khen thưởng:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị (kèm theo danh sách khen thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Các báo cáo thành tích này được đóng thành tập (*không bao gồm Tờ trình và biên bản*), kèm theo bản photocopy các Giấy công nhận hoặc Quyết định đi.

công nhận và các tài liệu có liên quan để chứng minh các tiêu chuẩn theo quy định; ngoài bìa ghi rõ “Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền khen, hình thức khen và các thông tin cần thiết của tập thể, cá nhân” theo quy định.

2. Số lượng bản chính báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân quy định điểm c khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bộ;

b) Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 bộ;

c) Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: 03 bộ;

d) Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước: 05 bộ;

e) Đối với các hình thức khen thưởng khác: Thực hiện theo quy định hiện hành.

### **Điều 18. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khen hàng năm (khen thưởng xuyên) kết thúc trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua phòng Tổ chức cán bộ*) trước 10 ngày làm việc so với mốc thời gian quy định tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (huân, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước) thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi *trước ngày 10 tháng 02 hàng năm*.

c) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng hàng năm (khen thưởng xuyên) gửi *trước ngày 10 tháng 3 hàng năm*.

3. Các trường hợp đề nghị khen thưởng chuyên đề, hồ sơ đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày tổ chức tổng kết ít nhất 07 ngày (đối với Sở khen thưởng), gửi trước ngày tổng kết ít nhất 20 ngày (các trường hợp đề nghị UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khen thưởng); trường hợp khen thưởng đột xuất gửi trước 03 ngày đối với Sở, 06 ngày đối với trường hợp đề nghị UBND tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở (Phòng Tổ chức cán bộ) có trách nhiệm xử lý hồ sơ đề nghị khen thưởng trình UBND tỉnh quyết định.

khen thưởng trong phạm vi không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị trình khen thưởng sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

## **Chương VI** **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG**

### **Điều 19. Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng để thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị thuộc Sở được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối với việc khen thưởng theo đợt (chuyên đề), theo các chương trình mục tiêu, nếu trong chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt có khoản chi cho khen thưởng thì tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí đó.

### **Điều 20. Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức chi tiền thưởng**

1. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

3. Mức chi tiền thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Điều 21. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan, đơn vị cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán vào số chi thực tế theo quy định hiện hành.

2. Tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hàng năm, khen chuyên đề và đợt xuất, tiền thưởng được chi từ Quỹ Thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT: Đơn vị cơ sở nào đề nghị Bộ, Sở khen thưởng, sau khi có quyết định khen thưởng của cơ quan có thẩm quyền, tự trích quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị mình để trả tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị đã được cấp trên khen thưởng.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó, trường hợp nguồn kinh

phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ Quỹ Thi đua, khen thưởng.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở**

1. Phòng Tổ chức cán bộ Sở (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng) có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm chỉ đạo, phổ biến, tổ chức thực hiện Quy chế này; đồng thời vận dụng Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với đơn vị mình.

3. Việc tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải được đăng ký với Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng của Sở; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định khen thưởng đối với các trường hợp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

4. Ngoài các Quy định tại Quy chế này, các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản quy định có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Phòng Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo đề xuất Giám đốc Sở xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *dv*

**GIÁM ĐỐC** *RP*



**Dương Văn Tô**